

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN THỌ XUÂN
TỈNH THANH HÓA

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 14/2025/HS-ST
Ngày 25 - 02 - 2025

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THỌ XUÂN, TỈNH THANH HÓA

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Minh Tiến

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lê Đăng Thiện

Ông Nguyễn Văn Sâm

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Lê Diệu Linh - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thọ Xuân.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thọ Xuân, tỉnh Thanh Hóa tham gia phiên tòa: Ông Đỗ Tiến Dũng - Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 02 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thọ Xuân, tỉnh Thanh Hóa; xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 08/2025/TLST-HS ngày 23 tháng 01 năm 2025, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 12/2025/QĐXXST-HS ngày 11 tháng 02 năm 2025;

Đối với các bị cáo:

1. **Nguyễn Văn T**, sinh ngày 23/6/1991 tại: Thị trấn T, huyện T, tỉnh Thanh Hóa; Số thẻ Căn cước công dân: 038091045354; Nơi thường trú: Lô C, MBQH F, phường N, thành phố T, tỉnh Thanh Hóa; Nơi ở hiện nay: Khu C, thị trấn T, huyện T, tỉnh Thanh Hóa; nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn: 00/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Công giáo; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Nguyễn Văn T1 và bà Nguyễn Thị L; Có vợ là Nguyễn Thị T2 và 03 con; Tiền án, tiền sự: Không; Nhân thân: Ngày 11/06/2020 bị Công an huyện T ra Quyết định xử phạt vi phạm hành chính về hành vi Khai thác khoáng sản (cát) trái phép, hình thức phạt tiền, mức phạt 15.000.000 đồng. Bị bắt tạm giữ ngày 31/10/2024, chuyển tạm giam từ ngày 09/11/2024 đến nay; Có mặt.

2. **Nguyễn Văn T**, sinh ngày 26/8/1989 tại: Thị trấn T, huyện T, tỉnh Thanh Hóa; Số thẻ Căn cước công dân: 038089053174; Nơi thường trú: Số D T, phường Đ, thành phố T, tỉnh Thanh Hóa; Nơi ở hiện nay: Lô C, MBQH A, phường Đ, thành phố T, tỉnh Thanh Hóa; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn: 00/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Công giáo; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Nguyễn Văn S và bà Nguyễn Thị L; Có vợ là Nguyễn Thị L1 và 02 con;

Tiền án, tiền sự: Không; Nhân thân: Ngày 13/04/2015 bị Công an thành phố H, tỉnh Quảng Ninh xử phạt hành chính về hành vi Khai thác cát trái phép; hình thức phạt tiền, mức phạt 8.000.000 đồng. Bị bắt tạm giữ ngày 31/10/2024, chuyển tạm giam từ ngày 09/11/2024 đến nay; Có mặt.

3. **Ngô Văn A**, sinh ngày 14/6/1972 tại: Phường Đ, thành phố T, tỉnh Thanh Hóa; Số thẻ Căn cước công dân: 038072003348; Nơi cư trú: Phố X, phường Đ, thành phố T, tỉnh Thanh Hóa; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn: 08/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Ngô Văn T3 và bà Đỗ Thị A1; Có vợ là Trần Thị Q (đã ly hôn) và 02 con; Tiền án, tiền sự: Không;

Nhân thân:

- Ngày 15/10/1999 bị Tòa án nhân dân thành phố Thanh Hóa xử phạt 09 tháng tù, cho hưởng án treo, thời gian thử thách 18 tháng về tội Trộm cắp tài sản, đã chấp hành xong.

- Ngày 28/08/2014 bị Tòa án nhân dân thành phố Thanh Hóa xử phạt 24 tháng tù về tội Mua bán trái phép chất ma túy, đã chấp hành xong hình phạt tù ngày 28/01/2016.

Bị bắt tạm giữ ngày 31/10/2024, chuyển tạm giam từ ngày 09/11/2024 đến nay; Có mặt.

- *Người làm chứng*: Chị Nguyễn Thị T4, sinh năm: 1987; địa chỉ: Thôn E, xã P, huyện T, tỉnh Thanh Hóa; Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 08 giờ ngày 31/10/2024, Nguyễn Văn T - sinh năm 1989, thường trú tại số D T, phường Đ, thành phố T đến chỗ ở của anh họ là Nguyễn Văn T - sinh năm 1991, thường trú tại lô C, mặt bằng F, phường N, thành phố T để chơi. Do cả hai từng sử dụng ma túy (heroin) nên T (1989) đã rủ T (1991) đi mua ma túy sử dụng. T (1989) nói “*anh còn tiền đấy không, lấy ít về chơi*” (ý là mua ma túy về sử dụng), T (1991) nói “*anh còn 400.000 đồng*”, T (1989) nói “*anh cứ bỏ ra trước đi, hôm sau em có em trả anh sau*”. T (1991) đồng ý, sau đó điều khiển xe máy nhãn hiệu Honda Wave màu đỏ biển kiểm soát 36D1-596.61 chở theo T (1989) đến nhà Ngô Văn A - sinh năm 1972, trú tại phường Đ, thành phố T mua ma túy. Khi cả hai đến nhà A, thì gặp A đang đứng ở trước nhà; T (1991) xuống xe, trực tiếp gặp Anh để mua ma túy, còn T (1989) ngồi trên xe đợi, cách vị trí của T (1991) và Anh khoảng 3 mét. T (1991) lấy 400.000 đồng đưa cho A và nói “*bán cho em quả hàng*” (ý là bán cho T một gói ma túy), Anh hiểu ý nên đã nhận tiền và đưa cho T (1991) một gói ma túy (heroin), được bọc bằng túi nilon màu đen, bên trong có một lớp giấy màu trắng. Mua được ma túy, T (1991) đi lại chỗ T (1989) đang đứng chờ, rồi lên xe để T (1989) chở về. Đi được khoảng 1km thì dừng lại mua nước và đổi lái, T (1991) điều khiển xe, chở T (1989) về nhà T (1991) ở

phường N, thành phố T. Tại đây, T (1991) chia cho T (1989) một phần ma túy; sau đó T (1989) đi ra bờ sông gần nhà T (1991) và sử dụng số ma túy trên một mình. Trong khi T (1989) đi ra ngoài bờ sông, T (1991) cũng lấy một phần ma túy sử dụng; số ma túy còn lại T (1991) chia thành hai gói nhỏ, cất giấu trong người để sử dụng dần. Khi T (1991) đang gói ma túy thì T (1989) đi vào và nhìn thấy. Sau đó T (1991) điều khiển xe máy chở T (1989) về nhà, rồi T (1991) đi xe máy đến thị trấn T, huyện T để đi làm.

Đến 10 giờ cùng ngày, khi T (1991) đang điều khiển xe đi trên đường tỉnh lộ 515 đoạn qua thôn V, xã X, huyện T, tỉnh Thanh Hóa thì bị Tổ công tác của đội Cảnh sát giao thông Công an huyện T tiến hành dừng xe kiểm tra và phát hiện việc tàng trữ ma túy. Tổ công tác đã lập biên bản bắt người phạm tội quả tang đối với Nguyễn Văn T (1991) về hành vi Tàng trữ trái phép chất ma túy, thu giữ: 02 (hai) gói ma túy (heroin), có tổng khối lượng 0,115g; 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Realme C17 màu xanh đen lắp sim số 0982.146.036 và 0901.746.276; 01 (một) xe máy nhãn hiệu Honda Wave biển kiểm soát 36D1- 596.61, kèm theo đăng ký xe máy mang tên Trịnh Đình T5. Tiến hành khám xét chỗ ở của T (1991) không phát hiện, thu giữ thêm đồ vật, tài liệu gì.

Cùng ngày, Ngô Văn A và Nguyễn Văn T (1989) đã ra đầu thú khai nhận hành vi phạm tội của mình. Khi đầu thú, Anh giao nộp: 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Nokia, màu đen, gắn thẻ sim có số thuê bao 0946.257.665; T (1989) không giao nộp đồ vật, tài liệu gì. Khám xét khẩn cấp chỗ ở của Anh không phát hiện thu giữ đồ vật tài liệu gì. Khám xét khẩn cấp chỗ ở của T (1989) phát hiện thu giữ: Số tiền 600.000 đồng; 01 (một) điện thoại di động màu xanh, nhãn hiệu Nokia, gắn thẻ sim số thuê bao 0964.811.761; 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Realme C65S màu xanh, không gắn thẻ sim.

Tiến hành xét nghiệm chất ma túy trong cơ thể của T (1989), T (1991) và A, kết quả cả ba dương tính với ma túy loại Heroine.

Cơ quan điều tra đã ra Quyết định trưng cầu giám định chất ma túy đã thu giữ. Tại bản Kết luận giám định số: 4261/KL-KTHS ngày 08/11/2024 của Phòng K Công an tỉnh T, kết luận: Chất bột màu trắng dạng cục vụn của phong bì niêm phong gửi giám định là ma túy, có tổng khối lượng 0,115g, loại: Heroine.

Tiến hành xác minh nguồn gốc ma túy, Anh khai nhận: Chiều ngày 30/10/2024 mua được ma túy của một người đàn ông không quen biết tại khu vực bờ sông M thuộc phố X, phường Đ, thành phố T với giá 300.000đồng. Sau đó A đã sử dụng một phần số ma túy trên tại nhà, số ma túy còn lại A đã bán cho T (1991) ngày 31/10/2024 với số tiền là 400.000 đồng. Số tiền trên Anh đã tiêu xài hết. Cơ quan điều tra không có căn cứ để xác minh làm rõ người bán ma túy cho A.

Đối với chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave biển kiểm soát 36D1-596.61 Tuấn (1991) mượn của chị Nguyễn Thị T4 - sinh năm 1987, trú tại thôn E, xã P, huyện T là chị vợ của T (1991). Chị T4 mua lại của anh Trịnh Đình T5 - sinh năm 1991, trú tại thôn T, xã P, huyện T và có cho T (1991) mượn xe để sử dụng, không biết việc T (1991) sử dụng xe để đi mua và sử dụng ma túy. Cơ quan điều tra đã trả lại xe và đăng ký xe cho chị T4.

Đối với: 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Realme C17 màu xanh đen lắp sim số 0982.146.036 và 0901.746.276 (thu của T 1991); 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Nokia, màu đen, gắn thẻ sim có số thuê bao 0946.257.665 (thu của Anh); 01 (một) điện thoại di động màu xanh, nhãn hiệu Nokia, gắn thẻ sim số thuê bao 0964.811.761, 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Realme C65S màu xanh, không gắn thẻ sim và số tiền 600.000 đồng (thu của T 1989) không có liên quan đến vụ án, Cơ quan điều tra đã trả lại cho chủ sở hữu.

Về vật chứng vụ án: 01 phong bì niêm phong mẫu vật do Phòng K phát hành dán kín, niêm phong bởi các chữ ký ghi rõ họ tên Lê Minh T6, Lê Anh T7 và các hình dấu của Phòng K Công an tỉnh T, bên trong là toàn bộ bao gói mở niêm phong của phong bì mặt trước ghi “ma túy Nguyễn Văn T” và 0,093g chất bột màu trắng dạng cục vụn là ma túy (Heroine) còn lại sau giám định. Vật chứng đang được quản lý chờ xử lý theo quy định của pháp luật.

Tại bản cáo trạng số 16/CT-VKSTX ngày 22/01/2025 Viện kiểm sát nhân dân huyện Thọ Xuân truy tố: Bị cáo Nguyễn Văn T (1991), Nguyễn Văn T (1989) về tội “*Tàng trữ trái phép chất ma túy*”, quy định tại điểm c khoản 1 Điều 249 của Bộ luật hình sự; Bị cáo Ngô Văn A về tội “*Mua bán trái phép chất ma túy*”, quy định tại khoản 1 Điều 251 của Bộ luật hình sự;

Tại phiên tòa hôm nay, các bị cáo Nguyễn Văn T (1991), Nguyễn Văn T (1989) và Ngô Văn A đều thừa nhận hành vi phạm tội đúng như nội dung Cáo trạng đã nêu và khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình.

Đại diện Viện kiểm sát sau khi phân tích tính chất, mức độ hành vi phạm tội, nhân thân, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với các bị cáo, vẫn giữ nguyên quyết định truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử,

Về tội danh: Tuyên bố các bị cáo Nguyễn Văn T (1991), Nguyễn Văn T (1989) phạm tội *Tàng trữ trái phép chất ma túy*, quy định tại điểm c khoản 1 Điều 249 của Bộ luật hình sự; Bị cáo Ngô Văn A phạm tội *Mua bán trái phép chất ma túy*, quy định tại khoản 1 Điều 251 của Bộ luật hình sự;

Về hình phạt:

- Áp dụng điểm c khoản 1 Điều 249; Điều 17; khoản 1 Điều 38; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 58 Bộ luật hình sự, đối với các bị cáo Nguyễn Văn T (1991), Nguyễn Văn T (1989). Áp dụng thêm khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự đối với bị cáo T (1989),

+ Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn T (1991), từ 15 tháng đến 18 tháng tù.

+ Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn T (1989) từ 14 tháng đến 17 tháng tù.

- Áp dụng khoản 1 Điều 251; khoản 1 Điều 38; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự, đối với bị cáo Ngô Văn A, xử phạt bị cáo từ 27 tháng đến 30 tháng tù.

- Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo.

Về vật chứng vụ án: Áp dụng khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự; khoản 2 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự, đề nghị: Tịch thu, tiêu hủy đối với: Toàn bộ bao gói mở niêm phong và số ma túy còn lại sau giám định được đựng trong 01 phong phong bì niêm phong mẫu vật, do Phòng K Công an tỉnh T phát hành.

Về án phí: Buộc các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định.

Các bị cáo Nguyễn Văn T (1991), Nguyễn Văn T (1989) và Ngô Văn A không tranh luận. Lời nói sau cùng các bị cáo đều có ý kiến xin giảm nhẹ mức hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tính hợp pháp của các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra, Điều tra viên, Viện kiểm sát, Kiểm sát viên: Trong quá trình điều tra, truy tố và xét xử đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự; Không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về tội danh: Lời khai nhận tội của các bị cáo Nguyễn Văn T (1991), Nguyễn Văn T (1989) và Ngô Văn A tại phiên tòa hôm nay, là phù hợp với lời khai của các bị cáo tại cơ quan điều tra, lời khai của người làm chứng, Biên bản bắt người phạm tội quả tang, Biên bản khám xét, Kết luận giám định, Dữ liệu điện tử, vật chứng thu giữ được và các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử đủ cơ sở kết luận:

Ngày 31/10/2024, Nguyễn Văn T (1991) và Nguyễn Văn T (1989) cùng bàn bạc thống nhất với nhau việc mua ma túy sử dụng, T (1991) điều khiển xe máy chở T (1989) đến nhà Ngô Văn A tại phố X, phường Đ, thành phố T, thì gặp Văn A đang đứng trước cổng nhà. T (1991) đã mua 01 gói ma túy, loại Heroine của Văn A với giá 400.000đồng. Sau khi mua được ma túy, cả hai đi về nhà T (1991) tại Lô C, mặt bằng F, phường N, thành phố T, T (1991) đã cho T (1989) một ít ma túy (T (1989) đã sử dụng hết tại khu vực bờ sông gần nhà T (1991)); phần ma túy còn lại, T (1991) lấy ra một ít sử dụng, còn lại số ma túy có trọng lượng 0,115g, loại Heroine T8 (1991) chia nhỏ, cất giấu vào trong người, rồi điều khiển xe máy đi đến thôn V, xã X, huyện T thì bị Lực lượng Công an phát hiện, bắt quả tang.

Các bị cáo Nguyễn Văn T (1991), Nguyễn Văn T (1989) và Ngô Văn A có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự; thực hiện hành vi phạm tội là do cố ý. Như vậy, hành vi của Nguyễn Văn T (1991) và Nguyễn Văn T (1989) đã phạm tội “*Tàng trữ trái phép chất ma túy*”, quy định tại điểm c khoản 1 Điều 249 của Bộ luật hình sự; Bị cáo Ngô Văn A phạm tội “*Mua bán trái phép chất ma túy*”, quy định tại khoản 1 Điều 251 của Bộ luật hình sự. Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân

dân huyện Thọ Xuân truy tố các bị cáo về tội danh và điều luật viện dẫn nêu trên là đúng người, đúng tội và đúng pháp luật.

[3] Tính chất vụ án là nghiêm trọng. Hành vi phạm tội của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm đến chế độ quản lý của nhà nước về các chất ma túy. Đây là nguyên nhân làm gia tăng những tệ nạn xã hội và tội phạm hình sự; gây ảnh hưởng nghiêm trọng đến trật tự trị an tại địa phương. Bản thân các bị cáo đủ nhận thức và biết ma túy là chất gây nghiện có tác hại rất lớn cho người sử dụng và đối với xã hội, các bị cáo cũng nhận thức được hành vi của mình là vi phạm pháp luật, nhưng đã bất chấp pháp luật và cố tình vi phạm. Vì vậy, cần phải có mức hình phạt nghiêm minh, tương xứng với tính chất, mức độ hành vi phạm tội của các bị cáo, xét thấy cần thiết phải cách ly các bị cáo khỏi xã hội một thời gian để cải tạo, giáo dục, cũng như đáp ứng yêu cầu đấu tranh phòng ngừa tội phạm.

[4] Về nhân thân: Các bị cáo Nguyễn Văn T (1991) và Nguyễn Văn T (1989) đều đã 01 lần bị xử phạt vi phạm hành chính về hành vi khai thác cát trái phép, nhưng đã được coi như là chưa bị xử phạt vi phạm hành chính. Bị cáo Ngô Văn A đã 02 lần bị Tòa án kết án về tội “trộm cắp tài sản” và tội “Mua bán trái phép chất ma túy”, nhưng đã chấp hành xong và đương nhiên được xóa án tích.

[5] Về các tình tiết tăng và giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Các bị cáo Nguyễn Văn T (1991), Nguyễn Văn T (1989) và Ngô Văn A không phải chịu tình tiết tăng nặng. Quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa hôm nay, các bị cáo Nguyễn Văn T (1991), Nguyễn Văn T (1989) và Ngô Văn A đều đã thành khẩn khai báo và tỏ ra ăn năn hối cải, nên các bị cáo đều được hưởng tình tiết giảm nhẹ theo quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự. Bị cáo Nguyễn Văn T (1989) và bị cáo Ngô Văn A đã ra đầu thú, nên được hưởng thêm tình tiết giảm nhẹ theo quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự.

[6] Vụ án không có tính tổ chức, mà chỉ là trường hợp đồng phạm giản đơn. Đối với nhóm các bị cáo có hành vi tàng trữ trái phép chất ma túy, thì bị cáo T (1989) là người chủ động rủ bị cáo T (1991) sử dụng chất ma túy; tuy nhiên bị cáo T (1991) là người bỏ tiền ra mua chất ma túy và liên hệ mua chất ma túy, sau khi mua được ma túy thì T (1991) có chia cho T (1989) một ít ma túy sử dụng, phần ma túy còn lại T (1991) đã sử dụng một ít, còn lại chia nhỏ và tàng trữ trong người với mục đích sử dụng thì bị bắt quả tang, như vậy bị cáo T (1991) phải chịu trách nhiệm ở vai trò cao hơn so với bị cáo T (1989). Đối với bị cáo Ngô Văn A, bị cáo phải chịu trách nhiệm độc lập về hành vi Mua bán trái phép chất ma túy.

[7] Về hình phạt: Từ những phân tích, đánh giá nêu trên Hội đồng xét xử, xét thấy: Cần thiết phải xử phạt các bị cáo Nguyễn Văn T (1991), Nguyễn Văn T (1989) và Ngô Văn A bằng hình phạt tù, với mức án như đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát là phù hợp, đảm bảo được tính giáo dục, răn đe và phòng ngừa tội phạm. Đối với thời gian các bị cáo đã bị tạm giữ, tạm giam sẽ được tính vào thời gian chấp hành hình phạt cho các bị cáo. Tiếp tục tạm giam các bị cáo để đảm bảo thi hành án.

[8] Về hình phạt bổ sung: Xét thấy các bị cáo Nguyễn Văn T (1991), Nguyễn Văn T (1989) và Ngô Văn A không có nghề nghiệp, thu nhập ổn định;

hoàn cảnh gia đình đang gặp khó khăn, nên không áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo.

[9] Về số tiền do phạm tội mà có: Bị cáo Ngô Văn A bán trái phép chất ma túy, hưởng lợi số tiền 400.000 đồng. Đây là tiền do bị cáo phạm tội mà có, vì vậy cần phải truy thu để sung vào ngân sách nhà nước.

[10] Về vật chứng vụ án: Toàn bộ bao gói mở niêm phong và số ma túy là mẫu vật còn lại sau giám định, hiện được đựng trong 01 phong bì niêm phong, do Phòng K Công an tỉnh T phát hành. Đây là vật cấm lưu hành nên cần tịch thu, tiêu hủy. Vật chứng hiện đang được quản lý theo đúng quy định của pháp luật.

[11] Về tình tiết liên quan vụ án:

Về nguồn gốc số ma túy, Ngô Văn A khai nhận: Chiều ngày 30/10/2024 Anh mua được ma túy của một người đàn ông không quen biết tại khu vực bờ sông M thuộc phố X, phường Đ, thành phố T với giá 300.000 đồng. Sau đó A đã sử dụng một phần số ma túy trên tại nhà, số ma túy còn lại A đã bán cho T (1991) ngày 31/10/2024 với số tiền là 400.000 đồng. Cơ quan điều tra đã tiến hành điều tra, xác minh theo quy định, nhưng không xác định được người bán ma túy cho Anh, nên không có căn cứ xử lý.

Đối với chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave biển kiểm soát 36D1-596.61 Tuấn (1991) mượn của chị Nguyễn Thị T4 - sinh năm 1987, trú tại thôn E, xã P, huyện T là chị vợ của T (1991). Chị T4 mua lại xe của anh Trịnh Đình T5 - sinh năm 1991, trú tại thôn T, xã P, huyện T và có cho T (1991) mượn xe để sử dụng, không biết việc T (1991) sử dụng xe để đi mua và sử dụng ma túy, nên Cơ quan điều tra đã trả lại xe và giấy tờ xe cho chị T4 là phù hợp.

Đối với: 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Realme C17 màu xanh đen lắp sim số 0982.146.036 và 0901.746.276 (thu của T 1991); 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Nokia, màu đen, gắn thẻ sim có số thuê bao 0946.257.665 (thu của Anh); 01 (một) điện thoại di động màu xanh, nhãn hiệu Nokia, gắn thẻ sim số thuê bao 0964.811.761, 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Realme C65S màu xanh, không gắn thẻ sim và số tiền 600.000 đồng (thu của T 1989), xác định không có liên quan đến vụ án, nên Cơ quan điều tra đã trả lại cho các chủ sở hữu là phù hợp.

Đối với hành vi sử dụng trái phép chất ma túy của Nguyễn Văn T (1991), Nguyễn Văn T (1989) và Ngô Văn A, đã chuyển Công an huyện T ra Quyết định xử phạt vi phạm hành chính theo quy định.

[12] Về án phí: Các bị cáo Nguyễn Văn T (1991), Nguyễn Văn T (1989) và Ngô Văn A phải nộp án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[13] Về quyền kháng cáo: Các bị cáo được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào điểm c khoản 1 Điều 249; Điều 17; khoản 1 Điều 38; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 58 Bộ luật hình sự, đối với bị cáo Nguyễn Văn T (1991);

Căn cứ vào điểm c khoản 1 Điều 249; Điều 17; khoản 1 Điều 38; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 58 Bộ luật hình sự, đối với bị cáo Nguyễn Văn T (1989),

Căn cứ vào khoản 1 Điều 251; khoản 1 Điều 38; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự đối với bị cáo Ngô Văn A;

Căn cứ vào điểm c khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự; điểm a khoản 2 Điều 106; khoản 2 Điều 136; khoản 1 Điều 293; khoản 1 Điều 331; Điều 333 Bộ luật tố tụng hình sự;

Căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

1. Tuyên bố: Các bị cáo Nguyễn Văn T (1991) và Nguyễn Văn T (1989) phạm tội “*Tàng trữ trái phép chất ma túy*”; Bị cáo Ngô Văn A phạm tội “*Mua bán trái phép chất ma túy*”.

- Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn T (1991) 15 (mười lăm) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 31/10/2024.

- Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn T (1989) 14 (mười bốn) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 31/10/2024.

- Xử phạt bị cáo Ngô Văn A 27 (hai mươi bảy) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 31/10/2024.

2. Về biện pháp tư pháp: Truy thu của bị cáo Ngô Văn A 400.000đ (*bốn trăm nghìn đồng*) sung vào ngân sách nhà nước.

3. Về xử lý vật chứng: Tịch thu, tiêu hủy đối với: Toàn bộ bao gói mở niêm phong của phong bì mặt trước ghi “ma túy Nguyễn Văn T” và số ma túy còn lại sau giám định được đựng trong 01 phong bì niêm phong mẫu vật, do Phòng K Công an tỉnh T phát hành. Toàn bộ số vật chứng trên hiện đang được quản lý tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thọ Xuân, hiện trạng theo như Biên bản giao nhận vật chứng số 19 ngày 22/01/2025.

4. Về án phí: Các bị cáo Nguyễn Văn T (1991), Nguyễn Văn T (1989) và Ngô Văn A, mỗi bị cáo phải nộp 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: Các bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án, hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Thanh Hóa;
- VKSND huyện Thọ Xuân;
- VKSND tỉnh Thanh Hóa;
- Công an huyện Thọ Xuân;
- Chi cục THADS huyện Thọ Xuân;
- Sở Tư pháp tỉnh Thanh Hóa;
- Bị cáo;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Minh Tiến